TAND HUYỆN TRIỆU SƠN **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 113 /2018 /QĐST- HNGĐ

Triệu Sơn, ngày 01 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 168/2018/TLST/HNGĐ ngày 3 tháng 7 năm 2018, giữa:

Chị Trần Thị L, sinh năm 1992

Anh Lê Đồng V, sinh năm 1984

Cùng trú tại: Xóm 13, xã T, huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng Dân;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự ; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1.**Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Chị Trần Thị L, sinh năm 1992

Anh Lê Đồng V, sinh năm 1984

Cùng trú tại: Xóm 13, xã T, huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa;

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Lê Đồng V.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung với nhau, tên các cháu là Lê Trần Gia H, sinh ngày 02 tháng 12 năm 2013 và cháu Lê Đồng Đại L, sinh ngày

25 tháng 11 năm 2016. Hiện nay các cháu đang ở cùng chị L, ly hôn vợ chồng anh, chị thỏa thuận tiếp tục giao cháu Gia H và Đại L cho chị Lan trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, anh V không phải đóng góp nuôi con chung cùng chị L.

Anh Lê Đồng V được quyền đi lại chăm sóc con chung, chị L và các thành viên trong gia đình không được ngăn cấm cản trở.

- Về tài sản và phần nợ: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về án phí: Vợ chồng anh, chị thỏa thuận chị Trần Thị L nộp toàn bộ tiền án phí. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn) chị L đã nộp theo biên lai số AA/2017/ 0001242 ngày 28 tháng 6 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu S được trừ 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Trả lại cho chị Lan 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận
- Các đương sự
- VKS Triệu S
- Chi cục thi hành án Triệu S
- phòng Giám đốc án
- UBND xã Tân N
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Lê Thị Thủy